TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2018
V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:** Ông: Nguyễn Ánh Dương
*** Các Hội thẩm nhân dân:**
1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.
2. Ông Nguyễn Lâm Giang

**** Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Duyên –Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên.

**** Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2017/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2018/QĐST – HNGĐ ngày 10/8/2018 (Ấn định thời gian mở lại phiên tòa) giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Mai Xuân T - sinh năm 1961 (Có mặt)

Cư trú: Bản T, xã H, huyện Y, tỉnh B

* Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Cư trú tại: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2018 của nguyên đơn là anh Mai Xuân T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn ngày 20/4/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh B. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán đại phương. Sau ngày cưới thì vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng anh mâu thuẫn về kinh tế, chị H không vun vén chăm lo kinh tế

cho gia đình, vợ chồng hay đánh cãi chửi nhau và đã ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T có mặt và giữ nguyên yêu cầu về xin ly hôn chị H, về con chung, về tài sản chung, công nợ và án phí. Các đương sự không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

* Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/6/2018 trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Mai Xuân T ngày 20/4/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vợ chồng chị chung sống được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, đỉnh điểm của mâu thuẫn là ngày 02/01/2018 âm lịch hai vợ chồng chị cãi nhau vì anh T bảo chị đưa tiền để anh T quản lý kinh tế, chị không đồng ý nên anh T đuổi chị ra khỏi nhà. Chị bỏ về cư trú tại nhà mẹ ở: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh B từ đó đến nay, vợ chồng chị sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay anh T xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh T, chị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về công nợ, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí và các bên không không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, đương sự giữ nguyên ý kiến và không thoả thuận được với nhau việc giải quyết vụ án, không có chứng cứ gì khác giao nộp cho Toà án và cũng không có yêu cầu hoặc đề nghị gì khác.

Sau phần tranh luận, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật, chị H không có mặt và chấp hành chưa nghiêm túc pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Anh Mai Xuân T, chị Nguyễn Thị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Anh Mai Xuân T, chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Mai Xuân T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần 2 đối với chị Nguyễn Thị H nhưng chị H vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Mai Xuân T và chị Nguyễn Thị H xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh B , làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị có thời gian chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng anh chị không quan tâm đến nhau, mặc dù bản thân và gia đình đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa anh T, chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu cho anh Mai Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Mai Xuân T và chị Nguyễn Thị H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Anh Mai Xuân T và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Mai Xuân T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhânvà gia đình; khoản 1, Điều 28; khoản 4, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Xuân T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Anh Mai Xuân T và chị Nguyễn Thị H không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác: Anh Mai Xuân T và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết

4. Án phí : Anh Mai Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0001994 ngày 07/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T; Anh Mai Xuân T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã H
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ánh D